

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 182/2024/HS-ST
Ngày: 18-7-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Tý

Ông Lê Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 191/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/**B T D**; sinh ngày 29/10/2002, tại: A G; Hộ khẩu thường trú: Ấp P A, Thị trấn P H, huyện T S, tỉnh A G; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông B V B C, sinh năm 1974 và bà N T K P, sinh năm 1976; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày 20/9/2022 (Có mặt);

2/**N T N**; sinh năm 2003, tại: A G; Hộ khẩu thường trú: Ấp P T, thị trấn P H, huyện T S, tỉnh A G; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông N T X, sinh năm 1984 và bà N T X T, sinh năm 1985; hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt ngày: 20/9/2022 (Có mặt);

Bị hại:

Ông H T D, sinh năm 1980; Trú tại : Số 45/28/4 đường P P T, Phường 3, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông N V M, sinh năm 1955; Trú tại: Tổ 3 ấp P T, xã P H, huyện T S, tỉnh A G (Vắng mặt).

Người làm chứng:

1/ Ông T T P, sinh năm 1970; Trú tại: Số 6 đường 3A, phường T T A, quận B T, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

2/Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1958; Trú tại : Số 33 đường T L, phường B T Đ B, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt);

3/Ông N A M, sinh năm 1997; Trú tại: 569/1/12 đường T L 10, phường B T Đ B, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 22/6/2019, do không có tiền tiêu xài nên B T D (sinh ngày 29/10/2002) rủ N T N (sinh ngày 17/02/2003) đi cướp giật tài sản, thì N đồng ý. Khi đi D mang theo 01 bình xịt hơi cay nhằm mục đích để chống trả khi bị người dân truy đuổi (N không biết và không thấy dân mang theo bình xịt hơi cay). Sau đó, N điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 67M1-126.53 chở D lưu thông quan nhiều tuyến đường để tìm người có tài sản sơ hở. Khi đến trước nhà số 122 đường số 7, phường B T Đ B, quận B T, D phát hiện anh H T D đang điều khiển xe mô tô lưu thông phía trước cùng chiều, trên tay trái anh D đang sử dụng điện thoại Iphone X. Thấy vậy, D nói với N “Có ông kia đang nghe điện thoại kìa”. Nghe xong, N điều khiển xe áp sát bên trái xe mô tô của anh D để D ngồi phía sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại rồi tăng ga bỏ chạy. Anh D truy hô đuổi theo thì bị D dùng bình xịt hơi cay xịt về phía sau nhưng anh D vẫn đuổi theo nên D ném bỏ điện thoại và bình xịt hơi cay trước nhà số 349 đường T L, phường B T Đ B, quận B T. Cả hai chạy đến trước nhà số 33 đường T L, phường B T Đ B, quận B T thì bị anh D cùng người dân bắt giữ giao Công an phường Bình Trị Đông B xử lý. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án:

+ 01 điện thoại di động Iphone X. Đây là điện thoại của bị hại H T D (vật chứng không thu giữ được)

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 thu giữ của bị cáo N. Điện thoại này bị cáo sử dụng cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ 01 điện thoại di động hiệu Itel thu giữ của bị cáo Dân. Điện thoại này D dùng để sử dụng cá nhân, không liên quan đến việc phạm tội.

+ 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 67M1-126.53. Qua xác minh, xe do ông N V M là ông của bị cáo N đứng tên chủ sở hữu. ông M khai giao xe biển số 67M1-126.53 cho N làm phương tiện đi lại. Việc N sử dụng xe vào thực hiện hành vi phạm tội ông M không biết, không liên quan nên Cơ quan điều tra đã trả xe cho ông M.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1032/KLĐG-HĐĐGTS ngày 28/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên tuyên trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X đã qua sử dụng trị giá 15.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại H T D không yêu cầu bồi thường gì.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi cướp giật như đã nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo B T D; N T N thừa nhận hành vi phạm tội tuy nhiên đối với tình tiết dùng bình hơi cay để chống trả bị hại trong quá trình tẩu thoát thì hai bị cáo cho rằng khi tẩu thoát hai bị cáo không dùng bình hơi cay để chống trả như cáo trạng đã truy tố. Do không thu giữ được vật chứng ngoài lời khai của bị hại không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân sau khi phân tích nội dung vụ án, phân tích chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội. Căn cứ kết quả xét hỏi tại phiên tòa đề nghị rút tình tiết hành hung tẩu thoát đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 để xét xử đối với các bị cáo :

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171 điểm s khoản 1 điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 58, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng mức hình phạt đối với các bị cáo B T D từ 03 năm đến 04 năm tù;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171 điểm s khoản 1 điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo N T N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo B T D 01 điện thoại di động hiệu IteI số seri: RKE14DAMD4JFFAS4; Số IME1: 351646003999527; Số IME2: 35164609399535.

Trả lại cho bị cáo N T N 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J6 số seri: RR58KA7K5DPJ; Số imei1: 352812105473021; Số imei 2: 352813105473029.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra truy tố các bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đề nghị rút tình tiết hành hung tẩu thoát đối với hai bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để kết luận hành vi của các bị cáo B T D, N T N đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài phục vụ nhu cầu cá nhân mà không phải thông qua lao động chân chính, giữa nơi công cộng đông người qua lại bị cáo B T D đã rủ bị cáo N T N đi cướp giật tài sản để kiếm tiền tiêu xài thì bị cáo N đồng ý. Bị cáo N sử dụng phương tiện xe gắn máy chở bị cáo D ngồi sau lưu thông trên nhiều tuyến đường, khi đến trước nhà số 122 đường số 7 phường B T Đ B, quận B T khi nhìn thấy anh H T D nghe điện thoại bị cáo D liền chỉ cho N biết ngay lập tức bị cáo N chạy xe áp sát và bên tay trái của anh D để bị cáo D ngồi sau dùng tay phải giật điện thoại Iphone X của anh D rồi tăng ga bỏ chạy. Hành vi phạm tội rất táo bạo và liều lĩnh, bất chấp hậu quả xảy ra, qua đó thể hiện ý thức các bị cáo rất xem thường pháp luật hai bị cáo sử dụng phương tiện xe gắn máy

để đi cướp giật là dùng thủ đoạn nguy hiểm để phạm tội, vì hành vi này có thể xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của bị hại và chính bản thân các bị cáo, có thể gây ra tai nạn làm chết người, gây mất trật tự an toàn giao thông. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171 để truy tố các bị cáo là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn đối với bị cáo D là người rủ rê lôi kéo bị cáo N phạm tội, bị cáo N tích cực giúp sức để thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Xét các bị cáo có nhân thân tốt bản thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội trong độ tuổi vị thành niên nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên khi lượng hình cần thiết áp dụng điều 90, Điều 91, Điều 101 đối với các bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo khai báo thành khẩn, không ăn năn hối cải nên cần thiết giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo theo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh của các bị cáo nên miễn phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện anh D không yêu cầu các bị cáo bồi thường, không thắc mắc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử xét thấy không có gì để giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 67M1-126.53 các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Qua xác minh, xe do ông N V M là ông của bị cáo N đứng tên chủ sở hữu. Ông M khai giao xe biển số 67M1-126.53 cho N làm phương tiện đi lại. Việc N sử dụng xe vào thực hiện hành vi phạm tội ông M không biết, không liên quan nên Cơ quan điều tra đã trả xe cho ông M Hội đồng xét xử xét thấy việc trả xe là phù hợp với qui định của pháp luật nên không xem xét giải quyết lại.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Itel số seri: RKE14DAMD4JFFAS4; Số IME1: 351646003999527; Số IME2: 35164609399535 thu giữ của bị cáo B T D; 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J6 số seri: RR58KA7K5DPJ; Số imei1:

352812105473021; Số imei 2: 352813105473029 thu giữ của bị cáo N T N là tư vật của các bị cáo không liên quan đến vụ án Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho các bị cáo.

[8]Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 90, Điều 91, Điều 101 Điều 17; Điều 58, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo B T D 02(hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2022 .

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo N T N 01(một) năm 09(chín) tháng 29(hai mươi chín) ngày tù về tội “Cướp giật tài sản”. Bằng với thời hạn tạm giam.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo N T N nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo B T D 01 điện thoại di động hiệu ITEL số seri: RKE14DAMD4JFFAS4; Số IMEI1: 351646003999527; Số IMEI2: 35164609399535 trả lại cho bị cáo N T N ; 01 điện thoại hiệu Samsung Galaxy J6 số seri: RR58KA7K5DPJ; Số imei1: 352812105473021; Số imei 2: 352813105473029

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số: NK21/170TAM ngày 23/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân)

3. Về án phí : Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Chi cục thi hành án quận Bình Tân;
- Công an quận Bình Tân;
- Viện kiểm sát quận Bình Tân;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PC27 công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tín

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

